

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO TỪ THỰC TIỄN CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*Hoàng Công Khôi**

Tự do tín ngưỡng, tôn giáo phải được xác lập và đảm bảo thực hiện bằng pháp luật. Sự điều chỉnh đó mang lại giá trị xã hội, pháp lý cho sự tồn tại và phát triển của các quan hệ trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo. Hiện nay, tuy chúng ta đã có một số văn bản pháp luật để quản lý Nhà nước đối với hoạt động tôn giáo nhưng còn thiếu những văn bản pháp lý mang tính hiệu lực cao. Hệ thống các văn bản pháp luật về tôn giáo và quản lý Nhà nước đối với hoạt động tôn giáo chủ yếu là những văn bản dưới luật và chưa thống nhất, đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý.

Ngay trong năm đầu của cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, mặc dù phải lo đối phó với cuộc chiến tranh ác liệt nhưng Chính phủ vẫn quan tâm đến nhu cầu tâm linh của nhân dân. Ngày 11-6-1964, Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký Thông tư số 60-TTg yêu cầu thi hành chính sách 'tôn giáo theo Sắc lệnh 234.

Sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, ngày 11-11-1977, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 297-CP về một số chính sách đối với tôn giáo, trong đó nêu lên 5 nguyên tắc về tự do tôn giáo. Để đáp ứng yêu cầu của quá trình đổi mới, ngày 21-3-1991, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Nghị định 59-HĐBT quy định về các hoạt động tôn giáo. Nghị định 59 là văn bản mang tính pháp quy, là sự kế thừa thực tiễn của quá trình thực hiện công cuộc đổi mới: đổi mới về nhận thức và thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo là nhằm đảm bảo nhu cầu tín ngưỡng chính đáng của nhân dân. Qua đó

đã phát huy được năng lực, sức sáng tạo của hàng chục triệu đồng bào theo tôn giáo, góp phần dân chủ hoá đời sống xã hội trên cơ sở ổn định chính trị.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn có quan điểm, thái độ rõ ràng về tín ngưỡng, tôn giáo. Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng năm 1991 đã khẳng định: "*Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đảng và Nhà nước ta tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện bình đẳng, đoàn kết lương giáo và giữa các tôn giáo. Khắc phục mọi thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo, chống những hành vi lợi dụng tôn giáo phá hoại độc lập dân tộc và đoàn kết dân tộc, chống phá chủ nghĩa xã hội, ngăn cản tin dō làm nghĩa vụ công dân*". Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cũng ghi rõ: "*Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, đồng thời chống việc lợi dụng tín ngưỡng để làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và nhân dân*".

Chủ trương, chính sách của Đảng đối với tín ngưỡng, tôn giáo từng bước được hoàn thiện. Đến đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, trong những năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 24-NQ/TU về công tác tôn giáo trong tình hình mới, ghi dấu son về sự đổi mới đường lối, chính sách tín ngưỡng, tôn giáo. Sau gần 10 năm thực hiện Nghị quyết 24, Đảng ta đã tổng kết, đánh giá những thành tựu và nêu rõ những khuyết điểm, đồng thời Bộ Chính trị

* Chủ tịch UBND Quận Hoàn Kiếm

ra Chỉ thị 37-CT/TU ngày 02-7-1998 về công tác tôn giáo trong tình hình mới. Cho đến Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7, khoá IX về công tác tôn giáo (Nghị quyết 25-NQ/TU ngày 12-3-2003) quan điểm, chính sách của Đảng đối với tín ngưỡng, tôn giáo tiếp tục được khẳng định và phát triển thêm một bước mới phù hợp với sự nghiệp đổi mới của Đảng, đó là: *"Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật"*.

Những quan điểm của Đảng ta từ ngày thành lập đến nay chứng tỏ rằng Đảng coi quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một nhu cầu quan trọng của con người, là một trong những quyền công dân, quyền chính đáng của con người. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn tôn trọng đức tin của đồng bào theo tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau; tôn trọng quyền được theo bất cứ tôn giáo nào cũng như quyền không theo tôn giáo nào.

Từ sau cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân luôn luôn là một quyền hiến định, được ghi nhận trong tất cả các bản hiến pháp – văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất ở nước ta. Hiến pháp đầu tiên năm 1946 đã khẳng định quyền của người dân Việt Nam: "Mọi công dân Việt có quyền tự do tín ngưỡng" (Điều 10). Hiến pháp 1959 quy định: "Công dân nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa có các quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào" (Điều 26 Hiến pháp 1959). Điều 80 Hiến pháp 1980 ghi rõ: "Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Không ai được lợi dụng tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước".

Hiện nay, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành "**Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn**

giáo" và có hiệu lực từ ngày 15/11/2004 và Chính phủ cũng ra nghị định số 22/NĐ/CP, ngày 01/3/2005 hướng dẫn thi hành một số điều trong "**Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo"** là một bước tiến lớn trong chính sách pháp luật đối với hoạt động tôn giáo, thể hiện quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Tuy nhiên căn cứ vào thực trạng tình hình tôn giáo ở Việt Nam và tính phức tạp của các tôn giáo khác trên thế giới thì "**Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo"** chưa tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc, ổn định, hiệu lực pháp lý chưa cao và chưa đúng "**tâm**" để quản lý hoạt động tôn giáo ở Việt Nam. Điều này làm cho công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực tôn giáo còn gặp khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, nhất là có những vấn đề nêu ra trong Pháp lệnh nhưng Nghị định lại không hướng dẫn thi hành. Chưa thực sự tạo được niềm tin trong giáo hội, giáo sĩ cũng như quần chúng tín đồ.

Hiện nay, Việt Nam đang từng bước xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, do vậy, mọi hoạt động xã hội và quản lý Nhà nước đều chịu sự điều chỉnh của các quy phạm pháp luật. Mặt khác, trong tiến trình hội nhập quốc tế, Việt Nam đã và đang mở rộng các quan hệ đối ngoại với các nước, các tổ chức quốc tế và các vùng lãnh thổ trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội thì tất yếu chúng ta phải từng bước hoàn thiện, xây dựng, ban hành các đạo Luật vừa điều chỉnh một cách phù hợp các quan hệ trong nước, vừa phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có Luật về tôn giáo. Việc xây dựng, ban hành Luật tôn giáo không những thể hiện sự hoàn thiện hệ thống pháp luật của Nhà nước ta mà còn thể hiện quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước đối với vấn đề tôn giáo - một vấn đề nhạy cảm. Hơn nữa, đây còn là cơ sở pháp lý cơ bản vững chắc để các cơ quan, ban ngành chức năng làm tốt công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo, đồng thời cũng đảm bảo tính ổn định của đạo Luật, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tôn giáo thực hiện các hoạt động tôn giáo; đây cũng là một lĩnh vực đặc biệt quan trọng nhằm giữ vững sự ổn định về chính trị, kinh tế, văn hoá

xã hội. Trong tình hình biến động phức tạp như hiện nay thì việc tăng cường công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo có ý nghĩa rất quan trọng.

Trong những năm qua, trên địa bàn Hà Nội, hoạt động tôn giáo diễn ra hết sức phức tạp, nhiều hoạt động tôn giáo còn bị một số đối tượng xấu lợi dụng để gây rối; công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo còn nhiều sơ hở, yếu kém. Hiện nay, sự điều chỉnh pháp luật về vấn đề này hầu hết đều dựa vào các văn bản dưới luật, do vậy hiệu lực pháp lý chưa cao, chế tài xử lý vi phạm còn nhiều bất cập. Hơn thế nữa đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo trên địa bàn Hà Nội, nhất là ở cấp quận, phường... còn thiếu về số lượng và hạn chế về trình độ quản lý nhà nước về tôn giáo; công tác quản lý, việc phối hợp giữa các ban, ngành chức năng, đoàn thể chưa được chặt chẽ đồng bộ.

Vì vậy, trong thời gian tới, để khắc phục những hạn chế nêu trên, Ban Tôn giáo Thành phố cần làm tốt công tác nắm tình hình của các tôn giáo và tình hình công tác tôn giáo trên địa bàn Thủ đô, trên cơ sở nghiên cứu, quán triệt và thực hiện nghiêm chỉnh đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo và công tác tôn giáo. Phối hợp chặt chẽ với các ban ngành chức năng trong hệ thống chính trị ở Thủ đô, đề xuất chủ trương công tác, đồng thời giúp uỷ ban nhân dân các cấp cụ thể hoá các chủ trương công tác thành các quyết định của uỷ ban nhân dân phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác tôn giáo, đảm bảo cho các hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật.

Phương pháp công tác tôn giáo chủ yếu là tuyên truyền vận động, thuyết phục. Quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta đối với vấn đề tôn giáo và hoạt động tôn giáo là hết sức đúng đắn, phù hợp với tình hình thực tiễn của đất nước ta và tình hình tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Quan điểm, đường lối, chính sách đó được thể hiện bằng các văn bản pháp luật như: Nghị quyết 25/TW, chỉ thị 37/BCT “về

tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới”; Điều 70 Hiến pháp năm 1992, Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo... để các cơ quan, ban ngành chức năng và mọi công dân thực hiện. Tuy nhiên, trong thực tế có nơi, có lúc việc thực hiện các văn bản này lại chưa đúng với tinh thần của nó, còn nhiều sơ hở, thiếu sót, thậm chí còn vi phạm, nhất là cấp cơ sở ở các địa phương. Điều này đã gây ra hậu quả phức tạp, đó là đường lối, chính sách bị làm sai, quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân bị vi phạm làm cho một bộ phận tín đồ tôn giáo mất lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước.

Một nguyên nhân cơ bản của tình trạng trên là do cán bộ, đảng viên, nhất là ở cấp cơ sở chưa nắm vững về vấn đề hoạt động tôn giáo. Một số còn có quan điểm định kiến với các tôn giáo và tín đồ tôn giáo, nhận thức chưa đúng về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, chưa đánh giá hết được vai trò quan trọng của hàng ngũ chức sắc tôn giáo và ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác dân vận thông qua hoạt động tôn giáo.

Giải quyết tình trạng này đòi hỏi tất cả cán bộ và quần chúng nhân dân đều được học tập, tuyên truyền, nắm vững quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về vấn đề tôn giáo để thực hiện nghiêm túc. Các văn bản, chính sách pháp luật như Nghị quyết, Pháp lệnh, Nghị định, Chỉ thị về vấn đề tôn giáo cần được tuyên truyền rộng rãi trong quần chúng nhân dân, trong cán bộ đảng viên. Có thể bằng việc mở các lớp chuyên đề học tập chính sách mới cả ở Trung ương và các địa phương cho cán bộ các cơ quan ban ngành chức năng do lãnh đạo Ban Văn hoá - Tư tưởng Trung ương, Ban Tôn giáo Chính phủ về giảng; mở lớp riêng cho cán bộ lãnh đạo các cấp chính quyền để họ nắm vững và chỉ đạo chính xác, đúng đắn; Tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng để mọi người dân, mọi cán bộ, đảng viên có thể nắm bắt và thực hiện.